

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 48

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 48 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đề ngày 24 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con nói trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ngày 24 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61005161/19357308/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải (“Công ty”) được lập ngày 24 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 24 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.682.213.326	8.045.089.077
110	I. Tiền	4	112.385.527	248.674.687
111	1. Tiền		112.385.527	248.674.687
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		461.624.108	453.795.909
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	300.322.358	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	161.301.750	153.473.551
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.117.179.933	6.142.890.642
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	828.633.447	1.150.259.362
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.920.503.175	1.834.132.705
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	398.643.004	70.814.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	2.974.780.916	3.093.053.100
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(5.641.511)	(5.675.336)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		260.902	305.963
140	IV. Hàng tồn kho	10	922.331.091	1.160.542.636
141	1. Hàng tồn kho		923.249.017	1.161.946.441
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(917.926)	(1.403.805)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		68.692.667	39.185.203
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	32.642.928	29.388.736
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	36.049.739	9.796.467
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.512.432.666	19.764.571.580
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.174.893.194	820.745.117
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	16.497.949	16.497.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	1.158.395.245	804.247.168
220	II. Tài sản cố định		4.511.961.810	4.391.861.306
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	780.454.467	816.574.713
222	Nguyên giá		1.280.932.799	1.250.037.003
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(500.478.332)	(433.462.290)
227	2. Tài sản vô hình	14	3.731.507.343	3.575.286.593
228	Nguyên giá		3.811.932.500	3.634.772.514
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(80.425.157)	(59.485.921)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		527.474.894	462.628.941
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	527.474.894	462.628.941
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	14.158.799.310	13.950.140.861
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	14.212.462.395	13.988.702.761
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	7.140.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	62.500.369	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(123.303.454)	(108.202.269)
260	V. Tài sản dài hạn khác		139.303.458	139.195.355
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	120.614.411	130.145.219
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	18.689.047	9.050.136
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		28.194.645.992	27.809.660.657

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.671.154.326	5.074.560.813
310	I. Nợ ngắn hạn		4.659.925.799	5.063.290.503
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	2.058.803.608	2.369.647.692
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	273.997.610	112.399.589
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	15.164.077	86.763.471
314	4. Phải trả người lao động		685.696	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	59.323.204	95.755.114
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		999.942	1.163.883
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	60.188.354	91.671.958
320	8. Vay ngắn hạn	22	2.190.601.581	2.305.727.069
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		11.228.527	11.270.310
337	1. Phải trả dài hạn khác		8.000.000	8.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.228.527	3.270.310
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		23.523.491.666	22.735.099.844
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	23.523.491.666	22.735.099.844
411	1. Vốn cổ phần		4.145.000.000	4.145.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.145.000.000	4.145.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.998.618.837	2.998.618.837
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.840.000)	(6.840.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.386.712.829	15.598.321.007
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.941.041.007	8.187.301.291
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		2.445.671.822	7.411.019.716
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		28.194.645.992	27.809.660.657

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch



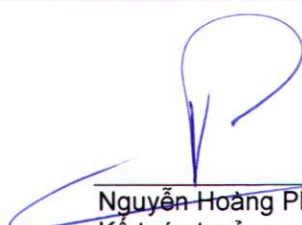
Ngày 24 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	17.036.857.132	19.573.413.368
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(121.134)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	17.036.735.998	19.573.413.368
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(16.414.471.126)	(18.869.529.327)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		622.264.872	703.884.041
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	2.607.563.711	3.496.538.700
22	7. Chi phí tài chính	26	(195.217.549)	(185.047.891)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(38.975.904)	(38.137.195)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(269.161.801)	(248.239.227)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(258.844.867)	(258.203.970)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.506.604.366	3.508.931.653
31	11. Thu nhập khác	29	45.310.034	59.639.228
32	12. Chi phí khác	29	(115.881.489)	(105.298.447)
40	13. Lỗ khác	29	(70.571.455)	(45.659.219)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.436.032.911	3.463.272.434
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	-	(57.644.064)
52	16. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	31.3	9.638.911	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.445.671.822	3.405.628.370


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017


Ngàn VND

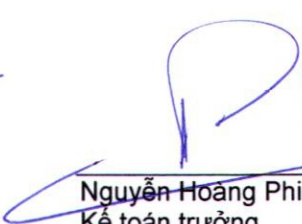
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		2.436.032.911	3.463.272.434
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	90.676.809	72.833.795
03	Trích lập (hoàn nhập) các khoản dự phòng		14.581.481	(2.889.473)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		127.579.418	105.221.696
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.512.670.143)	(3.461.551.237)
06	Chi phí lãi vay	26	38.975.904	38.137.195
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		195.176.380	215.024.410
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(26.829.683)	2.527.303.705
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		242.234.935	(57.600.150)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(358.489.409)	3.316.201.918
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		5.265.934	(33.537.764)
14	Tiền lãi vay đã trả		(38.585.244)	(35.861.785)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(45.768.655)	(47.717.118)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(26.995.742)	5.883.813.216
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(279.022.217)	(1.212.287.831)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		1.043.196	20.321
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(339.736.355)	(1.540.160)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		4.080.000	3.253.211
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(223.759.635)	(9.179.188.766)
27	Lãi tiền gửi và cho vay, và cổ tức nhận được		2.512.499.068	3.474.065.665
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.675.104.057	(6.915.677.560)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	23.1	-	1.350.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		2.750.724.846	4.706.010.104
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.878.228.592)	(3.662.399.385)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.4	(1.656.888.279)	(1.243.285.353)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(1.784.392.025)	1.150.325.366
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(136.283.710)	118.461.022
60	Tiền đầu kỳ		248.674.687	129.783.968
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(5.450)	(214)
70	Tiền cuối kỳ	4	112.385.527	248.244.776


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng


Trần Bá Dương
Chủ tịch



Ngày 24 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 48 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 6.286 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.123 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 vào ngày 24 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, phụ tùng thay thế, và công cụ, dụng cụ | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan. |
| Xe các loại | - giá mua theo phương pháp thực tế đích danh. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa thu tiền thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản vô hình

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình khi Công ty nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính và bản quyền	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được hao mòn theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn sẽ không được hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe của Công ty mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.11 Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

3.12 Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Thu nhập cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

4. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	7.799.072	27.890.969
Tiền gửi ngân hàng	99.862.993	220.653.718
Tiền đang chuyển	4.723.462	130.000
TỔNG CỘNG	112.385.527	248.674.687

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Các giao dịch không bằng tiền trọng yếu được loại ra khỏi báo cáo lưu chuyển tiền tệ:		
Lợi nhuận chuyển về từ các công ty con được cấn trừ với công nợ	890.247.531	511.261.275

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngàn VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư ủy thác vào cổ phiếu	300.322.358	300.322.358	300.322.358	300.322.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi ngân hàng ngắn hạn (i)	<u>161.301.750</u>	<u>153.473.551</u>
<i>(i) Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng trở lên và không quá một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.</i>		

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên khác	744.920.988	1.053.940.816
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	<u>83.712.459</u>	<u>96.318.546</u>
TỔNG CỘNG	<u>828.633.447</u>	<u>1.150.259.362</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(576.663)</u>	<u>(610.488)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>828.056.784</u>	<u>1.149.648.874</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	(610.488)	(583.825)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>33.825</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>(576.663)</u>	<u>(583.825)</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước mua cổ phiếu	1.114.000.000	1.114.000.000
Trả trước mua quyền sử dụng đất	596.158.488	555.401.343
Trả trước mua hàng hóa và dịch vụ	<u>210.344.687</u>	<u>164.731.362</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.920.503.175</u>	<u>1.834.132.705</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước mua cổ phần cho cổ đông cá nhân</i>	<i>882.000.000</i>	<i>882.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội</i>	<i>170.000.000</i>	<i>170.000.000</i>
<i>Khác</i>	<i>868.503.175</i>	<i>782.132.705</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	299.771.833	61.670.000
Bên khác	98.871.171	9.144.848
- Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ngọc Thy	93.806.323	-
- Bà Võ Thị Mượt	2.584.444	2.584.444
- Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tùng	2.480.404	2.480.404
- Ông Yuhn Young Lae	-	4.080.000
TỔNG CỘNG	398.643.004	70.814.848
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.064.848)	(5.064.848)
GIÁ TRỊ THUẦN	393.578.156	65.750.000

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	2.974.780.916	3.093.053.100
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	1.821.944.169	2.522.386.971
Chi hộ các công ty con	774.468.161	225.673.962
Tạm ứng cho nhân viên (i)	345.933.358	309.790.979
Ký quỹ mở thư tín dụng	9.161.087	10.256.467
Khác	23.274.141	24.944.721
Dài hạn	1.158.395.245	804.247.168
Ứng tiền xây dựng văn phòng (ii)	1.156.164.376	802.100.997
Ký quỹ, ký cược	2.230.869	2.146.171
TỔNG CỘNG	4.133.176.161	3.897.300.268
<i>Trong đó:</i>		
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	3.752.576.706	3.550.161.930
Bên khác	380.599.455	347.138.338

- (i) Đây là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- (ii) Đây là khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh để xây dựng Khu cao ốc văn phòng, thương mại, dịch vụ Thaco theo Hợp đồng số 0717/2015/HĐHT-ĐQM-THACO ngày 1 tháng 7 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa và xe các loại	689.902.438	(237.591)	762.693.980	(721.410)
Nguyên vật liệu	133.524.653	(680.335)	117.300.480	(682.395)
Hàng mua đang đi trên đường	78.086.713	-	261.168.771	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.364.735	-	10.108.250	-
Công cụ, dụng cụ	9.370.478	-	10.674.960	-
TỔNG CỘNG	923.249.017	(917.926)	1.161.946.441	(1.403.805)

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	(1.403.805)	(1.166.150)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(20.000)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	485.879	30.247
Số cuối kỳ	(917.926)	(1.155.903)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	32.642.928	29.388.736
Công cụ, dụng cụ đang dùng	19.047.297	19.612.075
Chi phí bảo trì	2.725.202	2.070.691
Chi phí thuê nhà xưởng, văn phòng	2.175.293	2.470.371
Khác	8.695.136	5.235.599
Dài hạn	120.614.411	130.145.219
Chi phí bồi thường	36.006.292	37.466.007
Chi phí bảo trì	34.606.378	41.187.294
Công cụ, dụng cụ đang dùng	33.120.900	36.298.425
Khác	16.880.841	15.193.493
TỔNG CỘNG	153.257.339	159.533.955

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

12. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cho bên khác vay	<u>16.497.949</u>	<u>16.497.949</u>

Chi tiết khoản cho bên khác vay như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	<i>Ngàn VND</i>			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	<u>16.497.949</u>	5 năm kể từ 31 tháng 12 năm 2014	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>					
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	934.049.418	61.419.637	176.134.173	68.657.290	9.776.485	1.250.037.003
Mua mới trong kỳ	2.608.992	8.185.850	119.502	2.747.213	570.552	14.232.109
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.033.460	929.949	13.004.476	584.225	705.229	20.257.339
Thanh lý	(2.504.304)	(609.373)	-	(479.975)	-	(3.593.652)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>939.187.566</u>	<u>69.926.063</u>	<u>189.258.151</u>	<u>71.508.753</u>	<u>11.052.266</u>	<u>1.280.932.799</u>
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết</i>	<i>49.306.391</i>	<i>12.718.387</i>	<i>23.454.906</i>	<i>15.760.857</i>	<i>1.573.149</i>	<i>102.813.690</i>
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	287.321.584	31.951.783	73.263.842	37.571.840	3.353.241	433.462.290
Khấu hao trong kỳ	42.508.881	4.881.415	13.537.432	7.573.365	1.236.480	69.737.573
Thanh lý	(1.796.720)	(536.734)	-	(388.077)	-	(2.721.531)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>328.033.745</u>	<u>36.296.464</u>	<u>86.801.274</u>	<u>44.757.128</u>	<u>4.589.721</u>	<u>500.478.332</u>
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>646.727.834</u>	<u>29.467.854</u>	<u>102.870.331</u>	<u>31.085.450</u>	<u>6.423.244</u>	<u>816.574.713</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>611.153.821</u>	<u>33.629.599</u>	<u>102.456.877</u>	<u>26.751.625</u>	<u>6.462.545</u>	<u>780.454.467</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

14. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Ngàn VND				
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.493.061.155	1.121.848.969	19.441.212	421.178	3.634.772.514
Mua mới trong kỳ	-	-	992.733	-	992.733
Phân loại lại	136.271.051	(136.271.051)	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	176.167.253	-	-	176.167.253
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.629.332.206</u>	<u>1.161.745.171</u>	<u>20.433.945</u>	<u>421.178</u>	<u>3.811.932.500</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	13.947	13.479.874	421.178	13.914.999
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	44.627.310	14.437.433	421.178	59.485.921
Hao mòn trong kỳ	-	19.848.143	1.091.093	-	20.939.236
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	<u>64.475.453</u>	<u>15.528.526</u>	<u>421.178</u>	<u>80.425.157</u>
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>2.493.061.155</u>	<u>1.077.221.659</u>	<u>5.003.779</u>	-	<u>3.575.286.593</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>2.629.332.206</u>	<u>1.097.269.718</u>	<u>4.905.419</u>	-	<u>3.731.507.343</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Hệ thống phòng trưng bày xe ô tô	391.139.442	377.715.022
Trung tâm thương mại xe	128.510.771	77.557.685
Khác	7.824.681	7.356.234
TỔNG CỘNG	<u>527.474.894</u>	<u>462.628.941</u>

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 16.1</i>)	14.212.462.395	13.988.702.761
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 16.2</i>)	7.140.000	7.140.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 16.3</i>)	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	<u>14.282.102.764</u>	<u>14.058.343.130</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(123.303.454)	(108.202.269)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng đầu tư vào công ty con</i>	(81.323.085)	(66.221.900)
<i>Dự phòng đầu tư dài hạn khác</i>	(41.980.369)	(41.980.369)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>14.158.799.310</u>	<u>13.950.140.861</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Mua bán bất động sản	Đang hoạt động	90	10.224.157.125	90	10.224.157.125
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	565.225.169	100	565.225.169
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải - KIA	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	500.000.000	100	500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công Nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100	350.000.000	100	350.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	350.000.000	100	184.323.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99	305.692.553	99,99	305.692.553
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	200.000.000	100	200.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	150.000.000	100	150.000.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	120.000.000	100	120.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	108.604.000	100	108.604.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Vina - Mazda	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100	100.000.000	100	100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	87.893.147	100	87.893.147
Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soosung	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75	82.646.620	75	82.646.620
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	80.000.000	100	80.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100	70.000.000	100	70.000.000
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100	50.000.000	100	50.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Xe Chuyên dụng Thaco	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	45.900.000	100	60.000.000
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Ô tô Thaco - Mazda	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	44.471.565	-	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	44.331.950	100	44.331.950
Công ty TNHH Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	44.100.000	100	44.100.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	40.409.360	100	40.409.360
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nhựa Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	40.000.000	100	40.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
			Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
			(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	38.500.000	100	38.500.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100	36.000.000	100	36.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải Quảng Bình	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	34.147.103	100	29.629.415
Trường Cao Đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải	Đào tạo	Đang hoạt động	100	33.105.970	100	33.105.970
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diệu Bằng	Thương mại	Đang hoạt động	100	32.500.000	100	32.500.000
Công ty Cổ phần Vững Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,8	31.863.381	51	8.670.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Ngưng hoạt động	100	30.000.000	100	30.000.000
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	25.000.000	100	25.000.000
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100	20.000.000	100	20.000.000
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	15.150.000	100	15.150.000
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	15.213.500	100	15.213.500
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	Đang hoạt động	100	15.000.000	100	15.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau (tiếp theo):

	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ô tô Vina	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	11.475.000	51	11.475.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	49	10.584.000	49	10.584.000
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	100	10.000.000	100	10.000.000
Công ty TNHH MTV Ô tô Trường Hải - Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	6.000.000	100	6.000.000
Công ty TNHH Sản xuất Phụ Tùng Điện Ô tô	Sản xuất phụ tùng	Đang hoạt động	51	5.355.000	51	5.355.000
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai Trường Hải	Sản xuất keo	Đang hoạt động	100	2.878.455	100	2.878.455
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100	1.258.497	100	1.258.497
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100	-	100	-
Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77,5	-	77,5	-
Công Ty TNHH MTV Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng	Trước hoạt động	60	-	-	-
TỔNG CỘNG				14.212.462.395		13.988.702.761
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(81.323.085)		(66.221.900)
GIÁ TRỊ THUẬN				14.131.139.310		13.922.480.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
	(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty TNHH Ô tô Thaco - Kia Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vô xe Triều Hải	30	2.640.000	30	2.640.000
TỔNG CỘNG		7.140.000		7.140.000

16.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số cổ phần	Giá gốc	Số cổ phần	Giá gốc
		Ngàn VND		Ngàn VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.420.000	62.500.369	3.420.000	62.500.369
Dự phòng đầu tư dài hạn khác		(41.980.369)		(41.980.369)
GIÁ TRỊ THUẦN		20.520.000		20.520.000

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người bán khác	1.431.783.615	1.487.662.640
- Mazda Motor Corporation (*)	1.344.200.189	1.026.116.526
- Kia Motors Corporation (*)	-	251.768.795
- Khác	87.583.426	209.777.319
Bên liên quan (Thuyết minh số 32)	627.019.993	881.985.052
TỔNG CỘNG	2.058.803.608	2.369.647.692

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên khác	93.778.025	112.399.589
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	180.219.585	-
TỔNG CỘNG	273.997.610	112.399.589

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế giá trị gia tăng	20.421.059	284.917.930	(327.263.112)	(21.924.123)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.847.827	-	(45.768.655)	79.172
Thuế thu nhập cá nhân	2.029.399	20.496.614	(21.712.422)	813.591
Thuế nhập khẩu	8.649.251	336.355.982	(345.005.233)	-
Khác	19.468	32.038.744	(31.912.514)	145.698
TỔNG CỘNG	76.967.004	673.809.270	(771.661.936)	(20.885.662)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu</i>	9.796.467			36.049.739
<i>Phải nộp</i>	86.763.471			15.164.077

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Lương tháng 13	49.197.934	86.368.243
Chi phí lãi vay	2.303.912	1.913.252
Khác	7.821.358	7.473.619
TỔNG CỘNG	59.323.204	95.755.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	41.071.152	50.064.741
Kinh phí công đoàn	7.032.419	8.545.603
Cổ tức phải trả	1.017.313	625.592
Phải trả liên quan đến dự án khoa học và công nghệ	-	6.565.199
Khác	11.067.470	25.870.823
TỔNG CỘNG	<u>60.188.354</u>	<u>91.671.958</u>

22. VAY NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngân hàng (*)	2.186.686.797	2.301.812.285
Vay từ cá nhân	3.914.784	3.914.784
TỔNG CỘNG	<u>2.190.601.581</u>	<u>2.305.727.069</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

22. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

(*) Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Mizuho Bank, Ltd. - Chi nhánh Hà Nội	605.944.872	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	600.195.727	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	321.433.432	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Chi nhánh Singapore	283.435.992	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd.	135.423.664	180 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Parisbas – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	117.912.328	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	61.380.061	150 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
JPMorgan Chase, N.A., - Chi nhánh Singapore	60.960.721	9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>2.186.686.797</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Ngàn VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.845.000.000	1.948.618.837	(6.840.000)	9.430.261.291	15.217.040.128
Tăng vốn	300.000.000	1.050.000.000	-	-	1.350.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	3.405.628.370	3.405.628.370
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.242.960.000)	(1.242.960.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>4.145.000.000</u>	<u>2.998.618.837</u>	<u>(6.840.000)</u>	<u>11.592.929.661</u>	<u>18.729.708.498</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.145.000.000	2.998.618.837	(6.840.000)	15.598.321.007	22.735.099.844
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	2.445.671.822	2.445.671.822
Cổ tức công bố	-	-	-	(1.657.280.000)	(1.657.280.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>4.145.000.000</u>	<u>2.998.618.837</u>	<u>(6.840.000)</u>	<u>16.386.712.829</u>	<u>23.523.491.666</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%	Số lượng cổ phiếu	Ngàn VND	%
Cổ đông tổ chức	357.777.273	3.577.772.730	86,32	357.125.488	3.571.254.880	86,16
Cổ đông cá nhân	56.542.727	565.427.270	13,64	57.194.512	571.945.120	13,80
Cổ phiếu quỹ	180.000	1.800.000	0,04	180.000	1.800.000	0,04
TỔNG CỘNG	414.500.000	4.145.000.000	100	414.500.000	4.145.000.000	100,00

23.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cổ phiếu đã được duyệt	414.500.000	414.500.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	414.500.000 414.500.000	414.500.000 414.500.000
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(180.000) (180.000)	(180.000) (180.000)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	414.320.000 414.320.000	414.320.000 414.320.000

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 VND/cổ phiếu.

23.4 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	4.145.000.000	3.845.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	300.000.000
Số cuối kỳ	<u>4.145.000.000</u>	<u>4.145.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã trả	1.656.888.279	1.243.285.353
Cổ tức công bố	1.657.280.000	1.242.960.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Doanh thu gộp	17.036.857.132	19.573.413.368
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	13.756.169.620	15.697.165.327
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	2.652.589.430	3.465.174.310
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	579.465.721	398.866.752
<i>Khác</i>	48.632.361	12.206.979
Các khoản giảm trừ doanh thu	(121.134)	-
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(121.134)</i>	-
DOANH THU THUẦN	17.036.735.998	19.573.413.368
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán xe các loại</i>	13.756.169.620	15.697.165.327
<i>Doanh thu bán phụ tùng</i>	2.652.468.296	3.465.174.310
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	579.465.721	398.866.752
<i>Khác</i>	48.632.361	12.206.979
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	14.204.384.946	16.039.382.003
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	2.832.351.052	3.534.031.365

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập từ cổ tức	2.499.822.643	3.473.244.636
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	95.064.643	10.590.422
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.027.980	360.626
Lãi cho vay	4.648.445	460.403
Khác	-	11.882.613
TỔNG CỘNG	2.607.563.711	3.496.538.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn xe các loại đã bán	13.253.216.212	15.055.710.766
Giá vốn phụ tùng đã bán	2.616.947.691	3.422.827.269
Giá vốn dịch vụ cung cấp	495.614.076	378.463.666
Khác	48.693.147	12.527.626
TỔNG CỘNG	<u>16.414.471.126</u>	<u>18.869.529.327</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	127.579.418	105.221.696
Lãi vay	38.975.904	38.137.195
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính	15.101.185	(2.879.226)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ	12.447.577	41.682.389
Khác	1.113.465	2.885.837
TỔNG CỘNG	<u>195.217.549</u>	<u>185.047.891</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lương	122.512.924	120.807.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.240.786	25.032.397
Chi phí quảng cáo	23.034.685	22.912.888
Chi phí khấu hao và hao mòn	21.879.356	21.313.494
Chi phí thuê	21.184.880	16.622.420
Công cụ và thiết bị	19.055.033	15.456.106
Chi phí giao hàng	16.977.579	16.925.479
Khác	16.276.558	9.169.122
TỔNG CỘNG	<u>269.161.801</u>	<u>248.239.227</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lương	124.500.140	132.555.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.834.734	83.396.036
Chi phí khấu hao và hao mòn	38.327.870	25.989.596
Công cụ và thiết bị	5.109.834	7.031.562
Khác	15.072.289	9.230.788
TỔNG CỘNG	<u>258.844.867</u>	<u>258.203.970</u>

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	45.310.034	59.639.228
Thu nhập từ dịch vụ đăng kí xe ô tô	24.418.409	23.951.617
Chi phí trả hộ	6.252.332	11.961.543
Thu nhập từ dịch vụ cho thuê	3.628.865	4.926.425
Khác	11.010.428	18.799.643
Chi phí khác	(115.881.489)	(105.298.447)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	(106.477.424)	(12.514.428)
Chi phí trả hộ	(4.586.586)	(11.937.229)
Chi phí dịch vụ đăng kí xe ô tô	(757.845)	(1.222.578)
Chi phí dịch vụ cho thuê	(138.458)	(1.475.153)
Tạm ứng nộp thuế theo Quyết định số 104/QĐ-CT	-	(64.058.447)
Khác	(3.921.176)	(14.090.612)
LỖ KHÁC	<u>(70.571.455)</u>	<u>(45.659.219)</u>

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn hàng hóa	16.217.847.536	18.700.142.230
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.917.586	361.159.612
Chi phí lương	225.081.996	202.101.641
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 13 và 14)	90.676.809	69.982.712
Khác	45.953.867	42.586.329
TỔNG CỘNG	<u>16.942.477.794</u>	<u>19.375.972.524</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	16.355.948
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	-	41.288.116
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(9.638.911)	-
TỔNG CỘNG	(9.638.911)	57.644.064

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.436.032.911	3.463.272.434
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	(41.788)	-
Chi phí không được khấu trừ	15.595.180	91.751.945
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(2.499.822.643)	(3.473.244.636)
(Lỗ tính thuế) thu nhập chịu thuế	(48.236.340)	81.779.743
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	-	16.355.948
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	-	41.288.116
Chi phí thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	-	57.644.064
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	45.847.827	4.862.802
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(45.768.655)	(47.717.118)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	79.172	14.789.748

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lỗi tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	9.647.268	-	9.647.268	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	8.396.074	8.396.074	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	645.705	654.062	(8.357)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>18.689.047</u>	<u>9.050.136</u>		
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại			<u>9.638.911</u>	-

31.4 Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗi tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗi đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản lỗi tính thuế lũy kế với tổng giá trị là 48.236.340 ngàn VND có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Lỗi tính thuế	Ngàn VND	
			<i>Đã chuyển lỗi đến ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Chưa chuyển lỗi tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
			<i>Không được chuyển lỗi</i>	
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	2022	<u>48.236.340</u>	<u>-</u>	<u>48.236.340</u>

Lỗi tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	8.058.068.637	9.166.455.021
		Bán hàng hóa	2.603.171.776	3.444.304.291
		Cổ tức nhận được	433.077.521	-
		Cung cấp dịch vụ	26.925.708	6.771.630
		Mua tài sản cố định	6.273.533	-
		Sử dụng dịch vụ	389.918	-
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	5.315.992.173	6.407.694.266
		Cổ tức nhận được	199.308.862	-
		Bán hàng hóa	25.215.624	31.427.052
		Cung cấp dịch vụ	19.668.194	-
		Sử dụng dịch vụ	1.992.818	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	613.873.038	-
		Cung cấp dịch vụ	19.930	-
		Bán hàng hóa	245	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Vina- Mazda	Công ty con	Cổ tức nhận được	380.869.786	-
		Cung cấp dịch vụ	5.442.307	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	341.688.871	-
		Cung cấp dịch vụ	473.680	-
		Bán hàng hóa	43.618	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Góp vốn	165.677.000	-
		Bán thiết bị	24.991.200	-
		Cung cấp dịch vụ	217.729	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	111.962.656	-
		Cung cấp dịch vụ	19.850	-
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du lịch Trường Hải Kia	Công ty con	Cổ tức nhận được	86.224.487	-
		Cung cấp dịch vụ	74.496	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Công ty con	Cổ tức nhận được	62.431.629	-
		Mua hàng hóa	3.797.549	-
		Bán hàng hóa	2.876.391	1.492.171
		Sử dụng dịch vụ	1.076.267	-
		Cung cấp dịch vụ	258.097	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô Tô Thaco - Mazda	Công ty con	Góp vốn	44.471.565	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	31.569.780	-
		Sử dụng dịch vụ	2.763.702	-
		Cung cấp dịch vụ	2.264.880	-
		Bán hàng hóa	394.769	-
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	310.149	-
		Cổ tức nhận được	24.146.540	-
		Sử dụng dịch vụ	152.926	1.375.408
		Mua tài sản cố định	121.581	-
Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	58.913	-
		Bán hàng hóa	7.917	-
		Vốn góp	23.193.381	-
		Cổ tức nhận được	12.246.469	-
		Mua hàng hóa	1.429.558	7.131.382
		Bán hàng hóa	944.202	4.264.080
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	499.866	-
		Sử dụng dịch vụ	4.045	-
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ô tô	Công ty con	Cổ tức nhận được	15.457.540	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc Bộ Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	15.324.635	-
		Bán hàng hóa	14.933.004	1.512.830
		Mua hàng hóa	11.454.831	-
		Sử dụng dịch vụ	1.691.672	-
		Cung cấp dịch vụ	289.759	-
Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ô tô	Công ty con	Cổ tức nhận được	11.764.170	-
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Cổ tức nhận được	10.028.506	-
		Bán hàng hóa	1.415.624	13.900.062
		Mua hàng hóa	1.406.238	13.725.759
		Cung cấp dịch vụ	474.283	-
		Sử dụng dịch vụ	33.802	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Cổ tức nhận được	8.510.518	-
		Mua hàng hóa	4.737.742	12.276.855
		Bán hàng hóa	4.019.393	-
		Sử dụng dịch vụ	417.682	-
		Cung cấp dịch vụ	327.539	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Cường	Cổ đồng	Góp vốn	-	1.350.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Bán hàng hóa	27.769.796	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Điều Bềng	Công ty con	Bán hàng hóa	14.699.240	15.470.797
Công ty TNHH MTV Trường Phú	Công ty con	Bán hàng hóa	14.685.180	14.685.180
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Bán hàng hóa	8.149.914	26.526.711
Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soosung	Công ty con	Bán hàng hóa	4.609.471	4.610.486
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Bán hàng hóa	4.508.168	6.553.345
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Bán hàng hóa	2.632.960	2.224.201
Công ty TNHH Ô tô Thaco - Kia Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.387.568	2.387.568
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Quảng Bình	Công ty con	Bán hàng hóa	35.100	3.060.471
Công Ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Vina- Mazda	Công ty con	Bán hàng hóa	18.250	1.792.999
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Bán hàng hóa	5.880	15.706.571
Khác			4.210.932	3.300.217
TỔNG CỘNG			83.712.459	96.318.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay	134.082.000	26.200.000
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cho vay	106.660.000	35.470.000
Công Ty TNHH MTV Sản xuất Xe Bus Thaco	Công ty con	Cho vay	59.029.833	-
TỔNG CỘNG			299.771.833	61.670.000
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Khách Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	327.741.644 70.617	393.337.621 1.051.306
Công Ty TNHH MTV Sản Xuất Xe Bus THACO	Công ty con	Chi hộ	320.140.753	45.446.065
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	308.301.469	766.010.052
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cho vay Cổ tức được chia Chi hộ	267.389.890 236.356.655 616.934	- 198.037.404 13.039
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Tải Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	167.190.042 28.590	404.816.530 -
Công Ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Vina-Mazda	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	154.892.968 -	169.802.864 34.925.590
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	102.526.644 -	125.393.495 27.990
Công Ty TNHH MTV Trường Hải Phú Yên	Công ty con	Chi hộ	74.591.552	66.924.537
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết Bị	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	67.779.456 58.101	21.648.974 -
Công ty TNHH MTV Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	54.418.044	34.890.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Cảng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Chi hộ	43.725.226	6.022.224
		Cổ tức được chia	25.104.059	25.104.059
Công ty TNHH MTV Vận Tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	40.293.003	46.163.224
		Chi hộ	94.047	525.555
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	37.170.308	19.146.803
		Chi hộ	-	18.568
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Bình Dương	Công ty con	Cổ tức được chia	29.354.012	19.325.506
		Chi hộ	161.277	17.170
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ô tô Du Lịch Trường Hải Kia	Công ty con	Cổ tức được chia	26.752.766	55.554.143
		Chi hộ	13.393	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	26.619.343	26.619.343
		Chi hộ	6.554.633	7.318.603
Công ty TNHH MTV Sản xuất Khuôn Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Chi hộ	33.031.730	32.878.690
Công ty TNHH MTV Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	23.817.380	17.639.977
		Chi hộ	5.249	25.651
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Công ty con	Chi hộ	22.938.515	22.488.437
		Cổ tức được chia	50.441	50.441
Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Nhựa Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	22.797.948	27.322.854
		Chi hộ	-	8.933.226
Công ty TNHH MTV Trường Hải Nghệ An	Công ty con	Cổ tức được chia	22.083.781	20.228.344
		Chi hộ	55.177	37.073
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	21.566.667	20.758.926

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngân VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu ngắn hạn khác (tiếp theo)				
Công ty TNHH MTV Sản xuất Kính Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	20.483.313 2.618	15.413.679 16.777
Công ty TNHH MTV Trường Hải - Vĩnh Phúc	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	17.020.295 2.444.657	21.489.513 325.941
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	15.412.545	8.168.029
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	14.209.215 151.731	20.160.043 -
Công Ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	12.246.469 31.881	- -
Công ty TNHH MTV Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	11.624.327 270.070	18.454.715 65.954
Công Ty TNHH MTV Sản xuất Linh kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	9.161.333 8.735	11.116.893 8.903
Công ty TNHH MTV Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	7.131.248 2.926	8.424.006 6.633
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	6.934.300 2.919	11.732.173 8.935
Công ty TNHH MTV Bắc Ninh Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	4.167.246 21.577	3.385.763 27.520
Công ty TNHH MTV Huế Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	3.558.552 46.642	3.552.437 21.684
Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	2.713.635 73.581	3.215.371 18.549
Công Ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương Tiện Trường Hải	Công ty con	Cổ tức được chia	1.175.711	-
Khác	Công ty con	Cổ tức được chia Chi hộ	1.289.348 1.935.142	865.221 3.077.742
TỔNG CỘNG			2.596.412.330	2.748.060.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngàn VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu dài hạn khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	Công ty con	Ứng tiền xây dựng văn phòng	1.156.164.376	802.100.997
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	537.033.327	355.010.044
Công ty TNHH MTV Phân phối Xe Ô tô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	81.418.030	512.291.546
Công ty TNHH MTV Truyền thông Đa Phương tiện Trường Hải	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	3.501.120	1.624.122
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	1.923.043	3.181.037
Công ty TNHH MTV Thương mại Sản xuất Diêu Bông	Công ty con	Mua hàng hóa	930.243	835.116
Công ty TNHH MTV Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	687.262	968.965
Công ty TNHH MTV Sản xuất Ô tô Chuyên dụng Trường Hải	Công ty con	Mua hàng hóa	597.212	5.949.598
Khác	Công ty con	Mua hàng hóa	929.756	2.124.624
TỔNG CỘNG			627.019.993	881.985.052

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH MTV Phân phối Ô tô Du lịch Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Ứng trước để mua hàng hóa	180.219.585	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH MTV Phụ tùng Trường Hải	Công ty con	Thu hộ	30.002.636	30.002.636
Trường Cao đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải	Công ty con	Thu hộ	9.891.297	14.240.770
Công ty TNHH MTV Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Công ty con	Thu hộ	377.978	5.536.467
Công ty TNHH MTV Sản xuất Nhíp Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Thu hộ	338.409	-
Công ty TNHH MTV Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ô tô Chu Lai Trường Hải	Công ty con	Thu hộ	-	166.500
Khác	Công ty con	Thu hộ	460.832	118.368
TỔNG CỘNG			41.071.152	50.064.741

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng	13.748.401	13.008.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	22.352.752	33.836.211
Từ 1 đến 5 năm	45.092.029	75.561.572
Trên 5 năm	208.640.352	213.153.094
TỔNG CỘNG	<u>276.085.133</u>	<u>322.550.877</u>

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con trị giá 4.015.106.460 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 621.904.714 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản cam kết trị giá 169.834.529 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 416.350.574 ngàn VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

 _____ Đỗ Thị Liên Chi Người lập	 _____ Nguyễn Hoàng Phi Kế toán trưởng	 _____ Trần Bá Dương Chủ tịch
--	--	---



Ngày 24 tháng 8 năm 2017